

**UBND HUYỆN TUY PHƯỚC**  
**TCT THỰC HIỆN ĐỀ ÁN 06**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TCT06  
 V/v tăng cường thực hiện các  
 giải pháp hoàn thành tỷ lệ kích hoạt  
 tài khoản định danh điện tử (VNeID)  
 trên địa bàn huyện Tuy Phước

*Tuy Phước, ngày tháng 11 năm 2023*

Kính gửi:

- Công an huyện;
- BCH Quân sự huyện;
- Các phòng, ban, thuộc huyện;
- Các hội, đoàn thể cấp huyện;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Tính đến ngày 22/11/2023, lực lượng Công an huyện đã tổ chức thu nhận **103.387/106.835** hồ sơ đăng ký cấp tài khoản định danh định danh điện tử mức độ 2, chiếm tỷ lệ **96,77%**. Tuy nhiên, đến nay chỉ có **59.571/106.835** trường hợp đã kích hoạt, sử dụng thành công ứng dụng VneID, chiếm tỷ lệ **55,76%**; đây là tỷ lệ thấp nhất so với các địa phương khác trên toàn tỉnh. Theo kết quả thống kê của Công an huyện, hiện có **04** đơn vị tỷ lệ kích hoạt thấp dưới 50% gồm: **Phước An (38,0%), Phước Thắng (38,2%), Phước Thành (40,5%), TT.Tuy Phước (41,1%)**.

Để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả và sớm hoàn thành việc kích hoạt **47.343** tài khoản VNeID trước ngày **20/12/2023**, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị, hội, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện phối hợp khẩn trương thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách sau:

**1.** Yêu cầu 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị phải thực hiện ngay việc đăng ký, sử dụng tài khoản định danh điện tử và báo cáo kết quả bằng văn bản về Tổ giúp việc của Tổ công tác thực hiện Đề án 06 huyện trước ngày **30/11/2023** (qua Đội CSQLHC về TTXH Công an huyện Tuy Phước). Đồng thời, tích cực tuyên truyền, vận động gia đình, người thân, bạn bè thực hiện việc kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử thông qua ứng dụng VNeID.

**2.** Đề nghị Ban thường vụ Huyện đoàn Tuy Phước chỉ đạo cho các đơn vị Đoàn trực thuộc tăng cường phối hợp với các lực lượng ở địa phương thực hiện việc kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử thông qua ứng dụng VNeID. Theo dõi và đề xuất hình thức khen thưởng đối với những đơn vị hoàn thành tốt và chấn chỉnh kịp thời những đơn vị thực hiện chưa tốt.

**3.** Chủ tịch UBND các xã, thị trấn với vai trò là Tổ trưởng Tổ công tác thực hiện Đề án 06 cấp xã khẩn trương tổ chức triển khai các giải pháp thực hiện

hoàn thành chỉ tiêu kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử thông qua ứng dụng VNeID trên địa bàn trước ngày **20/12/2023** (*Có phụ lục giao chỉ tiêu kèm theo*). Trong đó, tập trung thực hiện các nội dung sau:

- Tăng cường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, gọi mời, đến tận nơi hoặc đưa người dân đến các địa điểm tập trung để hướng dẫn người dân kích hoạt, sử dụng tài khoản định danh điện tử.

- Căn cứ chỉ tiêu được giao của đơn vị mình, tiến hành giao chỉ tiêu cụ thể cần thực hiện trong ngày cho các lực lượng, TCT Đề án 06 các thôn, khu phố; chỉ đạo lực lượng Công an xã, thị trấn chủ công trong việc tham mưu, đề xuất và tổ chức tăng cường phối hợp với các hội, đoàn thể cấp xã thực hiện việc kích hoạt tài khoản đã được Cục C06 phê duyệt. Đồng thời, mời gọi, hướng dẫn số công dân chưa đăng ký tài khoản định danh điện tử đến Công an huyện hoặc các điểm cấp lưu động để đăng ký tài khoản định danh điện tử.

**4.** Giao Công an huyện (cơ quan thường trực TCT Đề án 06 huyện) có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện của các đơn vị được giao chỉ tiêu, báo cáo ngày cho Chủ tịch UBND huyện để kịp thời chỉ đạo.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn khẩn trương triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Đơn vị nào không đảm bảo chỉ tiêu được giao, sẽ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công an tỉnh (*báo cáo*);
- TCT thực hiện Đề án 06 huyện;
- LĐVP; CVVP K4;
- Lưu: VT, QLHC.

**TỔ TRƯỞNG**

**CHỦ TỊCH UBND HUYỆN**  
**Huỳnh Nam**

**Phụ lục: Giao chỉ tiêu cần thực hiện việc kích hoạt tài khoản VNeID**  
*(Kèm theo Công văn số /TCT06, ngày /11/2023 của Tổ trưởng Tổ Công tác thực hiện Đề án 06 huyện)*

| ST<br>T          | ĐƠN VỊ       | Công<br>dân đủ<br>điều<br>kiện | Chỉ tiêu<br>thực<br>hiện<br>(60%) | VNEID<br>được<br>duyet | ĐÃ KÍCH HOẠT VNEID<br>Đến ngày 24/11/2023 |              |               | Tỷ lệ đã<br>kích<br>hoạt/<br>chỉ tiêu | Số cần kích<br>hoạt đến<br>ngày<br>20/12/2023 | Mỗi<br>ngày<br>phải<br>thực<br>hiện<br>kích<br>hoạt |
|------------------|--------------|--------------------------------|-----------------------------------|------------------------|-------------------------------------------|--------------|---------------|---------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
|                  |              |                                |                                   |                        | Tổng                                      | Mức 1        | Mức 2         |                                       |                                               |                                                     |
| 1                | TT.Diêu Trì  | 11902                          | 7141                              | 5874                   | 3579                                      | 340          | 3239          | 50,1%                                 | 3562                                          | 142                                                 |
| 2                | TT.Tuy Phước | 13314                          | 7988                              | 5438                   | 3280                                      | 295          | 2985          | 41,1%                                 | 4708                                          | 188                                                 |
| 3                | Phước An     | 18218                          | 10931                             | 9475                   | 4149                                      | 421          | 3728          | 38,0%                                 | 6782                                          | 271                                                 |
| 4                | Phước Hiệp   | 15149                          | 9089                              | 8936                   | 6051                                      | 325          | 5726          | 66,6%                                 | 3038                                          | 122                                                 |
| 5                | Phước Hòa    | 15205                          | 9123                              | 8278                   | 5102                                      | 449          | 4653          | 55,9%                                 | 4021                                          | 161                                                 |
| 6                | Phước Hưng   | 12284                          | 7370                              | 6979                   | 5471                                      | 283          | 5188          | 74,2%                                 | 1899                                          | 76                                                  |
| 7                | Phước Lộc    | 15030                          | 9018                              | 8603                   | 6264                                      | 430          | 5834          | 69,5%                                 | 2754                                          | 110                                                 |
| 8                | Phước Nghĩa  | 4669                           | 2801                              | 3188                   | 2881                                      | 110          | 2771          | 102,8%                                | 0                                             | 0                                                   |
| 9                | Phước Quang  | 12752                          | 7651                              | 8903                   | 4756                                      | 473          | 4283          | 62,2%                                 | 2895                                          | 116                                                 |
| 10               | Phước Sơn    | 22908                          | 13745                             | 12487                  | 7792                                      | 595          | 7197          | 56,7%                                 | 5953                                          | 238                                                 |
| 11               | Phước Thuận  | 16392                          | 9835                              | 8903                   | 5457                                      | 332          | 5125          | 55,5%                                 | 4378                                          | 175                                                 |
| 12               | Phước Thành  | 10742                          | 6445                              | 5471                   | 2611                                      | 266          | 2345          | 40,5%                                 | 3834                                          | 153                                                 |
| 13               | Phước Thắng  | 9493                           | 5696                              | 3188                   | 2178                                      | 194          | 1984          | 38,2%                                 | 3518                                          | 141                                                 |
| <b>Tổng cộng</b> |              | <b>178.085</b>                 | <b>106.835</b>                    | <b>95.723</b>          | <b>59.571</b>                             | <b>4.513</b> | <b>55.058</b> | <b>55,76%</b>                         | <b>47.343</b>                                 | <b>1.894</b>                                        |